TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2023/HNGĐ–ST
Ngày: 12- 9 - 2023.
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**
2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Nhung**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 192/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1986. Vắng mặt.
Cư trú: Khu vực Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ
2. Bị đơn: Anh **Trần Tâm N** – sinh năm 1982. Vắng mặt.
Cư trú: Khu vực Q, P. T, Q. T, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh N trước đây do tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T ngày 03/3/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinhg mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, nên thường xảy ra cự cải, chị M nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không thay đổi, từ đó đã sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên chị Mến yêu c giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh N có 02 con chung là cháu Trần Minh P – Sinh ngày 10/7/2006 và cháu Trần Minh Đ – Sinh ngày 06/4/2013. Chị Mến yêu c được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu P và Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Tâm N dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì về vấn đề có liên quan đến yêu cầu xin ly hôn của chị M.

- Tại bản tự khai ngày 26/7/2023, cháu Đ và cháu P đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống mẹ, không yêu cầu cha cấp dưỡng.

- Tại phiên tòa, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị M khởi kiện xin ly hôn, đồng thời yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị M và anh N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nên thường xãy ra cải vả, không có sự thông cảm lẫn nhau, nên đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp gì để khắc phục. Qúa trình giải quyết vụ án, anh N dù được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc sự việc hôn nhân. Chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị M và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Chị M và anh N có 02 con chung là cháu Trần Minh P – Sinh ngày 10/7/2006 và cháu Trần Minh Đ – Sinh ngày 06/4/2013. Chị Mến yêu c được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu P và Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu P và cháu Đ đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Để ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu, cần giao cháu cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, nếu sau này điều kiện hoàn cảnh thay đổi thì các đương sự cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của người con.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với người con nhằm đảm bảo cho con có điều kiện được sống tốt. Tuy nhiên, do không có ai yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Tâm N.

2. Về nuôi con: Giao hai cháu Trần Minh P – Sinh ngày 10/7/2006 và cháu Trần Minh Đ – Sinh ngày 06/4/2013 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh N không ai được cản trở. Chị M, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003966 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ. Công nhận chị M đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt